

Số: 145/2016/QĐ-MIC

Hà Nội, ngày 01 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành Biểu phí bảo hiểm nhà tư nhân

TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM QUÂN ĐỘI

Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động số 43 GP/KDBH ngày 08/10/2007 của Bộ Tài chính và các Giấy phép điều chỉnh của Bộ Tài chính;

Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội (MIC);

Theo đề nghị của Giám đốc Ban Bảo hiểm Tài sản kỹ thuật - Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này “*Biểu phí bảo hiểm nhà tư nhân*”.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 18/2014/QĐ-MIC ngày 02/01/2014 của Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội.

Điều 3: Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc Ban Bảo hiểm Tài sản kỹ thuật, các Đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Lưu: VT, Ban TSKT.

TỔNG GIÁM ĐỐC


Nguyễn Quang Hiện

BIỂU PHÍ BẢO HIỂM NHÀ TƯ NHÂN

(Ban hành theo Quyết định số 145/2016/QĐ-MIC ngày 01 tháng 01 năm 2016
của Tổng giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội)

(Biểu phí chưa bao gồm 10% VAT)

I. BẢO HIỂM PHẦN NGÔI NHÀ					
Giới hạn bồi thường	Thời gian xây dựng	Phí cơ bản (Hỏa hoạn, Sét, Nổ) (1)	Phí bổ sung (2)		Tổng phí (1+2)
			Mở rộng 1	Mở rộng 2	
300,000,000	1-15 năm	240,000	45,000	90,000	375,000
	15-25 năm	360,000	60,000	120,000	540,000
500,000,000	1-15 năm	400,000	75,000	150,000	625,000
	15-25 năm	600,000	100,000	200,000	900,000
800,000,000	1-15 năm	640,000	120,000	240,000	1,000,000
	15-25 năm	960,000	160,000	320,000	1,440,000
1,000,000,000	1-15 năm	800,000	150,000	300,000	1,250,000
	15-25 năm	1,200,000	200,000	400,000	1,800,000
1,500,000,000	1-15 năm	1,200,000	225,000	450,000	1,875,000
	15-25 năm	1,800,000	300,000	600,000	2,700,000
2,000,000,000	1-15 năm	1,600,000	300,000	600,000	2,500,000
	15-25 năm	2,400,000	400,000	800,000	3,600,000
2,500,000,000	1-15 năm	2,000,000	375,000	750,000	3,125,000
	15-25 năm	3,000,000	500,000	1,000,000	4,500,000
3,000,000,000	1-15 năm	2,400,000	450,000	900,000	3,750,000
	15-25 năm	3,600,000	600,000	1,200,000	5,400,000
3,500,000,000	1-15 năm	2,800,000	525,000	1,050,000	4,375,000
	15-25 năm	4,200,000	700,000	1,400,000	6,300,000
4,000,000,000	1-15 năm	3,200,000	600,000	1,200,000	5,000,000
	15-25 năm	4,800,000	800,000	1,600,000	7,200,000
4,500,000,000	1-15 năm	3,600,000	675,000	1,350,000	5,625,000
	15-25 năm	5,400,000	900,000	1,800,000	8,100,000
5,000,000,000	1-15 năm	4,000,000	750,000	1,500,000	6,250,000
	15-25 năm	6,000,000	1,000,000	2,000,000	9,000,000
II. PHÍ BẢO HIỂM CHO TÀI SẢN BÊN TRONG					
Giới hạn bồi thường	Giới hạn bồi thường cho mỗi đồ vật	Phí cơ bản	Phí mở rộng 1	Phí mở rộng 2	Tổng phí
100,000,000	50,000,000	100,000	15,000	35,000	150,000

200,000,000	50,000,000	200,000	30,000	70,000	300,000
300,000,000	50,000,000	300,000	45,000	105,000	450,000
400,000,000	50,000,000	400,000	60,000	140,000	600,000
500,000,000	50,000,000	500,000	75,000	175,000	750,000
600,000,000	50,000,000	600,000	90,000	210,000	900,000
700,000,000	50,000,000	700,000	105,000	245,000	1,050,000
800,000,000	50,000,000	800,000	120,000	280,000	1,200,000
900,000,000	50,000,000	900,000	135,000	315,000	1,350,000
1,000,000,000	50,000,000	1,000,000	150,000	350,000	1,500,000

Phí bảo hiểm áp dụng cho thời hạn 01 năm

Phí cơ bản áp dụng cho rủi ro: Hỏa hoạn,

Nổ

Phí mở rộng 1 áp dụng cho rủi ro: H (Giông, bão, lụt); I (Vỡ hoặc tràn nước từ các đường ống và bể chứa), J (Va chạm với ngôi nhà), K (Trộm cướp)

Phí mở rộng 2 áp dụng cho rủi ro: Chi phí dọn dẹp hiện trường, chi phí chữa cháy, chi phí tiền thuê nhà sau tổn thất

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quang Hiện